

# BẢN TIN PHÁP LUẬT

Tháng 11/2025

## LĨNH VỰC BẢO HIỂM

### I. Nghị định 274/2025/NĐ-CP

<b>1. Tên văn bản</b>	Nghị định 274/2025/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 16/10/2025 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về chậm đóng, trốn đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm thất nghiệp; khiếu nại, tố cáo về bảo hiểm xã hội
<b>2. Văn bản thay thế/Sửa đổi, bổ sung</b>	Không
<b>3. Thời điểm có hiệu lực</b>	30/11/2025
<b>4. Nội dung chính lưu ý</b>	<p>Số tiền chậm đóng BHXH bắt buộc, BHTN từ ngày 30/11/2025</p> <p>Theo khoản 1 Điều 5 Nghị định 274/2025/NĐ-CP số tiền chậm đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định tại khoản 1 Điều 40 Luật Bảo hiểm xã hội 2024 được quy định như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Chậm đóng theo khoản 1 Điều 38 Luật Bảo hiểm xã hội 2024: số tiền bảo hiểm xã hội bắt buộc chậm đóng là số tiền thuộc trách nhiệm của người sử dụng lao động theo quy định tại khoản 4 Điều 13 Luật Bảo hiểm xã hội 2024 còn phải đóng theo đăng ký sau thời hạn đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc chậm nhất quy định tại khoản 4 Điều 34 Luật Bảo hiểm xã hội 2024; số tiền bảo hiểm thất nghiệp chậm đóng là số tiền thuộc trách nhiệm của người sử dụng lao động còn phải đóng theo đăng ký sau thời hạn đóng bảo hiểm thất nghiệp chậm nhất quy định theo quy định của pháp luật về bảo hiểm thất nghiệp.</li><li>- Chậm đóng theo khoản 2, khoản 3 Điều 38 Luật Bảo hiểm xã hội 2024: số tiền bảo hiểm xã hội bắt buộc chậm đóng là số tiền thuộc trách nhiệm của người sử dụng lao động theo quy định tại khoản 4 Điều</li></ul>

	<p>13 Luật Bảo hiểm xã hội 2024 phải đóng cho người lao động chưa được đăng ký tham gia bảo hiểm xã hội trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày hết thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 28 Luật Bảo hiểm xã hội 2024; số tiền bảo hiểm thất nghiệp chậm đóng là số tiền thuộc trách nhiệm của người sử dụng lao động phải đóng cho người lao động chưa được đăng ký tham gia bảo hiểm thất nghiệp trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày hết thời hạn phải tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật về bảo hiểm thất nghiệp.</p> <p>- Các trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 39 Luật Bảo hiểm xã hội 2024 nhưng không bị coi là trốn đóng theo Điều 4 Nghị định 274/2025/NĐ-CP: số tiền bảo hiểm xã hội bắt buộc chậm đóng là số tiền thuộc trách nhiệm của người sử dụng lao động theo quy định tại khoản 4 Điều 13 Luật Bảo hiểm xã hội 2024 phải đóng cho người lao động trong thời gian chưa tham gia bảo hiểm xã hội; số tiền bảo hiểm thất nghiệp chậm đóng là số tiền thuộc trách nhiệm của người sử dụng lao động phải đóng cho người lao động theo quy định của pháp luật về bảo hiểm thất nghiệp trong thời gian chưa tham gia bảo hiểm thất nghiệp.</p> <p>- Các trường hợp quy định tại điểm c, điểm d, điểm đ, điểm e, điểm g khoản 1 Điều 39 Luật Bảo hiểm xã hội 2024 nhưng không bị coi là trốn đóng theo Điều 4 Nghị định 274/2025/NĐ-CP: số tiền chậm đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm thất nghiệp xác định theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 5 Nghị định 274/2025/NĐ-CP.</p>
--	--

**LĨNH VỰC TIỀN TỆ - NGÂN HÀNG**

**I. Thông tư 21/2025/TT-NHNN**

<b>1. Tên văn bản</b>	Thông tư 21/2025/TT-NHNN của Ngân hàng nhà nước Việt Nam ban hành ngày 31/7/2025 quy định xếp hạng tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài
<b>2. Văn bản bị thay thế/Sửa đổi, bổ sung</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thay thế Thông tư số 52/2018/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2018 quy định xếp hạng tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài</li> <li>- Thay thế Thông tư số 23/2021/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2021 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số</li> </ul>

	52/2018/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định xếp hạng tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài
<b>3. Thời điểm có hiệu lực</b>	01/11/2025
<b>4. Nội dung chính lưu ý</b>	<p>Nguyên tắc và phương pháp xếp hạng tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài từ 01/11/2025</p> <p>Cụ thể, tại Điều 4 Thông tư 21/2025/TT-NHNN quy định nguyên tắc và phương pháp xếp hạng tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Việc xếp hạng cần đảm bảo phản ánh đầy đủ thực trạng hoạt động, rủi ro của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và tuân thủ đúng quy định của pháp luật.</li> <li>- Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được chia thành các nhóm đồng hạng, cụ thể như sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Nhóm 1: Ngân hàng thương mại có quy mô lớn (tổng giá trị tài sản bình quân theo quý trong năm xếp hạng trên 300.000 tỷ đồng);</li> <li>+ Nhóm 2: Ngân hàng thương mại có quy mô nhỏ (tổng giá trị tài sản bình quân theo quý trong năm xếp hạng bằng hoặc thấp hơn 300.000 tỷ đồng);</li> <li>+ Nhóm 3: Chi nhánh ngân hàng nước ngoài;</li> <li>+ Nhóm 4: Công ty tài chính (gồm: công ty tài chính tổng hợp, công ty tài chính bao thanh toán, công ty tài chính tín dụng tiêu dùng);</li> <li>+ Nhóm 5: Công ty cho thuê tài chính;</li> <li>+ Nhóm 6: Ngân hàng hợp tác xã.</li> </ul> </li> <li>- Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được xếp hạng theo hệ thống tiêu chí. Từng tiêu chí xếp hạng bao gồm nhóm chỉ tiêu định lượng và nhóm chỉ tiêu định tính. Nhóm chỉ tiêu định lượng đo lường mức độ lành mạnh hoạt động ngân hàng trên cơ sở số liệu hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Nhóm chỉ tiêu định tính đo lường mức độ tuân thủ các quy định pháp luật, chỉ đạo điều hành của Ngân hàng Nhà nước của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.</li> <li>- Trọng số của nhóm chỉ tiêu, trọng số của từng chỉ tiêu theo từng nhóm</li> </ul>

	<p>đồng hạng được xác định trên cơ sở tầm quan trọng của từng nhóm chỉ tiêu, từng chỉ tiêu đối với mức độ lành mạnh hoạt động ngân hàng và yêu cầu của công tác thanh tra, giám sát.</p> <p>- Căn cứ vào mức điểm xếp hạng đạt được, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được xếp vào một trong các hạng sau: Tốt (A), Khá (B), Trung bình (C), Yếu (D) hoặc Yếu kém (E).</p>
<b>II. Thông tư 27/2025/TT-NHNN</b>	
<b>1. Tên văn bản</b>	Thông tư 27/2025/TT-NHNN của Ngân hàng nhà nước Việt Nam ban hành ngày 15/9/2025 hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật phòng, chống rửa tiền
<b>2. Văn bản bị thay thế/Sửa đổi, bổ sung</b>	Thay thế Thông tư 09/2023/TT-NHNN ngày 28/7/2023 hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật phòng, chống rửa tiền
<b>3. Thời điểm có hiệu lực</b>	01/11/2025
<b>4. Nội dung chính lưu ý</b>	<p>Nội dung báo cáo giao dịch chuyển tiền điện tử tối thiểu gồm các thông tin sau:</p> <p>(i) Thông tin về tổ chức tài chính khởi tạo và thụ hưởng bao gồm: tên giao dịch của tổ chức hoặc chi nhánh giao dịch; địa chỉ trụ sở chính (hoặc mã ngân hàng đối với giao dịch chuyển tiền điện tử trong nước, mã SWIFT đối với chuyển tiền điện tử quốc tế); quốc gia nhận và chuyển tiền;</p> <p>(ii) Thông tin về khách hàng là cá nhân tham gia giao dịch chuyển tiền điện tử: họ và tên, ngày, tháng, năm sinh; số Chứng minh nhân dân hoặc số Căn cước công dân hoặc số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu; số thị thực nhập cảnh (nếu có); địa chỉ đăng ký thường trú hoặc nơi ở hiện tại khác (nếu có); quốc tịch (theo chứng từ giao dịch);</p> <p>(iii) Thông tin về khách hàng là tổ chức tham gia giao dịch chuyển tiền điện tử: tên giao dịch đầy đủ và viết tắt (nếu có); địa chỉ trụ sở chính; số giấy phép thành lập hoặc mã số doanh nghiệp hoặc mã số thuế; quốc gia nơi đặt trụ sở chính;</p> <p>(iv) Thông tin về giao dịch: số tài khoản (nếu có); số tiền; loại tiền; số tiền được quy đổi sang đồng Việt Nam (nếu loại tiền giao dịch là ngoại tệ); lý do, mục đích giao dịch; ngày giao dịch; mã giao dịch hoặc số tham chiếu duy nhất trong trường hợp không có số tài khoản, số định</p>

	<p>đanh của người khởi tạo do tổ chức tài chính khởi tạo hoặc tổ chức tài chính trung gian gửi đến đảm bảo truy xuất nguồn gốc của giao dịch;</p> <p>(v) Thông tin khác theo yêu cầu của Cục Phòng, chống rửa tiền để phục vụ công tác quản lý nhà nước về phòng, chống rửa tiền trong từng thời kỳ.</p> <p>Các thông tin về ngày, tháng, năm sinh, số Chứng minh nhân dân hoặc số Căn cước công dân hoặc số định danh cá nhân hoặc số Hộ chiếu, số thị thực nhập cảnh (nếu có) quy định; số giấy phép thành lập hoặc mã số doanh nghiệp hoặc mã số thuế theo quy định không bắt buộc đối với:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Người thụ hưởng trong giao dịch chuyển tiền điện tử quốc tế từ Việt Nam ra nước ngoài;</li> <li>- Người khởi tạo trong giao dịch chuyển tiền điện tử quốc tế từ nước ngoài về Việt Nam.</li> </ul>
<b>III. Thông tư 28/2025/TT-NHNN</b>	
<b>1. Tên văn bản</b>	Thông tư 28/2025/TT-NHNN của Ngân hàng nhà nước Việt Nam ban hành ngày 30/9/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2024/TT-NHNN quy định về ngân hàng hợp tác xã, việc trích nộp, quản lý và sử dụng quỹ bảo đảm an toàn hệ thống quỹ tín dụng nhân dân
<b>2. Văn bản bị thay thế/Sửa đổi, bổ sung</b>	Sửa đổi, bổ sung Thông tư số 27/2024/TT-NHNN ngày 28/6/2024 quy định về ngân hàng hợp tác xã, việc trích nộp, quản lý và sử dụng quỹ bảo đảm an toàn hệ thống quỹ tín dụng nhân dân
<b>3. Thời điểm có hiệu lực</b>	15/11/2025
<b>4. Nội dung chính lưu ý</b>	<p>Quy định về giám sát Quỹ tín dụng nhân dân thành viên từ 15/11/2025</p> <p>Tại khoản 5 Điều 2 Thông tư 28/2025/TT-NHNN, có quy định về việc giám sát quỹ tín dụng nhân dân như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ngân hàng hợp tác xã thực hiện giám sát an toàn từng quỹ tín dụng nhân dân và giám sát an toàn hệ thống quỹ tín dụng nhân dân để hỗ trợ cho hoạt động quản lý của Ngân hàng Nhà nước và thực hiện vai trò là ngân hàng của tất cả quỹ tín dụng nhân dân;</li> <li>- Hoạt động giám sát của ngân hàng hợp tác xã phải đảm bảo nguyên tắc sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Được thực hiện trên cơ sở thông tin, dữ liệu thu thập được để tổng hợp, phân tích nhằm phòng ngừa, phát hiện kịp thời rủi ro gây mất an</li> </ul> </li> </ul>

	<p>toàn hoạt động ngân hàng, vi phạm quy định an toàn hoạt động ngân hàng và các quy định khác của pháp luật có liên quan;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Phải tuân thủ pháp luật; bảo đảm chính xác, khách quan, trung thực, công khai, dân chủ, kịp thời; không làm cản trở hoạt động bình thường của quỹ tín dụng nhân dân thành viên;</li> <li>+ Nguyên tắc kết hợp giám sát tuân thủ với giám sát rủi ro, giám sát an toàn từng quỹ tín dụng nhân dân với giám sát an toàn hệ thống quỹ tín dụng nhân dân;</li> </ul> <p>- Nội dung giám sát an toàn từng quỹ tín dụng nhân dân:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Ngân hàng hợp tác xã thực hiện giám sát tuân thủ quy định của pháp luật về an toàn hoạt động ngân hàng, các quy định khác của pháp luật về tiền tệ và ngân hàng trong hoạt động của từng quỹ tín dụng nhân dân</li> <li>+ Ngân hàng hợp tác xã thực hiện giám sát rủi ro thông qua việc phân tích, nhận định về rủi ro của từng quỹ tín dụng nhân dân</li> </ul> <p>- Nội dung giám sát an toàn hệ thống quỹ tín dụng nhân dân:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Phân tích, nhận định mức độ lành mạnh tài chính nhằm phát hiện rủi ro ảnh hưởng đến an toàn của hệ thống quỹ tín dụng nhân dân</li> <li>+ Phân tích, nhận định các diễn biến kinh tế, tác động của các lĩnh vực khác trong nền kinh tế có nguy cơ ảnh hưởng đến mức độ ổn định của hệ thống quỹ tín dụng nhân dân;</li> </ul> <p>- Ngân hàng hợp tác xã có trách nhiệm xây dựng, ban hành, sửa đổi, bổ sung Quy chế giám sát quỹ tín dụng nhân dân theo quy định tại khoản này và gửi Ngân hàng Nhà nước có ý kiến trước khi quy chế này được ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung, ngân hàng hợp tác xã phải gửi Ngân hàng Nhà nước Quy chế giám sát quỹ tín dụng nhân dân;</p> <p>- Quy chế giám sát quỹ tín dụng nhân dân phải được Hội đồng quản trị phê duyệt và có tối thiểu các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Nguyên tắc giám sát; Trình tự, thủ tục giám sát; Nội dung giám sát.</li> <li>+ Nguyên tắc lập, phê duyệt báo cáo kết quả giám sát:</li> </ul> <p>Quy chế giám sát quỹ tín dụng nhân dân phải được gửi đến Ngân hàng Nhà nước để có ý kiến trước ngày 30 tháng 11 năm 2025;</p> <p>- Báo cáo kết quả giám sát:</p>
--	--

	<p>+ Ngân hàng hợp tác xã gửi báo cáo kết quả giám sát an toàn hệ thống quỹ tín dụng nhân dân cho Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày có báo cáo kết quả giám sát;</p> <p>+ Ngân hàng hợp tác xã gửi báo cáo kết quả giám sát an toàn quỹ tín dụng nhân dân (theo từng quỹ tín dụng nhân dân hoặc báo cáo tổng hợp các quỹ tín dụng nhân dân theo địa bàn do từng Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực quản lý) cho Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi quỹ tín dụng nhân dân đặt trụ sở chính trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày có báo cáo kết quả giám sát</p>
<b>IV. Thông tư 29/2025/TT-NHNN</b>	
<b>1. Tên văn bản</b>	Thông tư 29/2025/TT-NHNN của Ngân hàng nhà nước Việt Nam ban hành ngày 30/9/2025 hướng dẫn tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cho vay đối với lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn
<b>2. Văn bản bị thay thế/Sửa đổi, bổ sung</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thay thế Thông tư số 10/2015/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn;</li> <li>- Thay thế Thông tư số 25/2018/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2015/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn.</li> </ul>
<b>3. Thời điểm có hiệu lực</b>	15/11/2025
<b>4. Nội dung chính lưu ý</b>	<p>Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ đối với khách hàng khó khăn do nguyên nhân khách quan lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn như sau:</p> <p>(1) Trường hợp khách hàng gặp khó khăn do nguyên nhân khách quan, bất khả kháng quy định tại khoản 12 Điều 3 và khoản 1 Điều 12 Nghị định 55/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 116/2018/NĐ-CP và Nghị định 156/2025/NĐ-CP theo xác định cụ thể từng lần của tổ chức tín dụng và khách hàng (sau đây gọi là nguyên nhân khách quan, bất khả kháng cụ thể), tổ chức tín dụng xem xét quyết định cơ cấu lại thời hạn trả nợ đối với số dư nợ gốc và/hoặc lãi và giữ nguyên nhóm nợ đối với khoản nợ có số dư nợ gốc và/hoặc lãi được cơ cấu lại thời hạn trả nợ theo nhóm nợ đã được phân loại theo quy định</p>

	<p>hiện hành tại thời điểm gần nhất trước khi cơ cấu lại thời hạn trả nợ Thông tư 29/2025/TT-NHNN trên cơ sở đề nghị của khách hàng, khả năng tài chính của tổ chức tín dụng và đáp ứng các quy định sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có số dư nợ gốc phát sinh trước hoặc trong khoảng thời gian xảy ra nguyên nhân khách quan, bất khả kháng cụ thể;</li> <li>- Số dư nợ gốc, lãi của từng kỳ hạn trả nợ của khoản nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ còn trong hạn hoặc quá hạn không quá 10 (mười) ngày kể từ ngày đến hạn thanh toán, trả nợ thỏa thuận;</li> <li>- Khách hàng được tổ chức tín dụng đánh giá là gặp khó khăn không có khả năng trả nợ đúng hạn nợ gốc và/hoặc lãi đã thỏa thuận do nguyên nhân khách quan, bất khả kháng cụ thể và có khả năng trả nợ đầy đủ nợ gốc và/hoặc lãi theo thời hạn nợ được cơ cấu lại;</li> <li>- Việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ theo quy định tại Thông tư 29/2025/TT-NHNN không giới hạn về số lần cơ cấu lại thời hạn trả nợ nhưng thời gian cơ cấu lại thời hạn trả nợ đối với cùng một nguyên nhân khách quan, bất khả kháng cụ thể không vượt quá: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ 12 tháng kể từ ngày đến hạn của từng số dư nợ gốc, lãi được cơ cấu lại thời hạn trả nợ của khoản nợ ngắn hạn;</li> <li>+ 36 tháng kể từ ngày đến hạn của từng số dư nợ gốc, lãi được cơ cấu lại thời hạn trả nợ của khoản nợ trung, dài hạn;</li> </ul> </li> </ul> <p>Ngày đến hạn của từng số dư nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ tại thời điểm này căn cứ vào thời hạn, kỳ hạn trả nợ đã thỏa thuận tại thời điểm gần nhất trước thời điểm lần đầu tiên thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ theo quy định tại Thông tư 29/2025/TT-NHNN đối với cùng một nguyên nhân khách quan, bất khả kháng cụ thể.</p> <p>(2) Khoản nợ đã được cơ cấu lại thời hạn trả nợ theo các quy định pháp luật khác nếu đáp ứng được quy định tại Thông tư 29/2025/TT-NHNN thì tổ chức tín dụng xem xét cơ cấu lại thời hạn trả nợ theo quy định tại Thông tư 29/2025/TT-NHNN</p>
--	--

**V. Thông tư 30/2025/TT-NHNN**

<b>1. Tên văn bản</b>	Thông tư 30/2025/TT-NHNN của Ngân hàng nhà nước Việt Nam ban hành ngày 30/9/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2024/TT-NHNN quy định về cung ứng dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt
<b>2. Văn bản bị thay thế/Sửa đổi, bổ sung</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sửa đổi, bổ sung Thông tư số 15/2024/TT-NHNN ngày 28/6/2024 quy định về cung ứng dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt;</li> <li>- Sửa đổi, bổ sung Thông tư 41/2024/TT-NHNN ngày 17/7/2024 quy định về giám sát và thực hiện giám sát các hệ thống thanh toán quan</li> </ul>



	trọng, hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán
<b>3. Thời điểm có hiệu lực</b>	18/11/2025
<b>4. Nội dung chính lưu ý</b>	<p><b>Thời gian gián đoạn cung ứng dịch vụ thanh toán trực tuyến không quá 30 phút/lần từ 18/11/2025</b></p> <p>Theo đó, bổ sung khoản 2a, khoản 2b vào sau khoản 2 Điều 19 Thông tư 15/2024/TT-NHNN quy định về trách nhiệm của tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán có trách nhiệm thực hiện các biện pháp đảm bảo cung ứng dịch vụ thanh toán, dịch vụ trung gian thanh toán được thông suốt, liên tục.</li> </ul> <p>Tổng thời gian gián đoạn cung ứng toàn bộ dịch vụ thanh toán trực tuyến, dịch vụ trung gian thanh toán trực tuyến không vượt quá 04 giờ/năm, thời gian gián đoạn cung ứng dịch vụ không vượt quá 30 phút/lần trừ các trường hợp bất khả kháng hoặc bảo trì, nâng cấp hệ thống đã được thông báo trước 24 giờ cho khách hàng và gửi thông báo cho đơn vị giám sát (Ngân hàng Nhà nước) qua địa chỉ thư điện tử gshttt_vtt@sbv.gov.vn để nắm bắt và theo dõi.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán có trách nhiệm báo cáo Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn 04 giờ khi phát hiện sự cố gây gián đoạn quá 30 phút hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán trực tuyến, dịch vụ trung gian thanh toán trực tuyến (trong đó bao gồm trường hợp bất khả kháng hoặc trường hợp vượt quá thời hạn bảo trì, nâng cấp hệ thống đã được thông báo trước 24 giờ) theo Phụ lục 05 ban hành kèm theo Thông tư 30.</li> </ul> <p>Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành khắc phục sự cố, tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán có trách nhiệm gửi báo cáo sự cố đầy đủ các nội dung theo Phụ lục số 05 ban hành kèm theo Thông tư 30 qua địa chỉ thư điện tử gshttt_vtt@sbv.gov.vn để nắm bắt và theo dõi tình hình xử lý sự cố.</p>
<b>VI. Thông tư 32/2025/TT-NHNN</b>	

<b>1. Tên văn bản</b>	Thông tư 32/2025/TT-NHNN của Ngân hàng nhà nước Việt Nam ban hành ngày 30/9/2025 hướng dẫn trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Ngân hàng nhà nước Việt Nam
<b>2. Văn bản bị thay thế/Sửa đổi, bổ sung</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thay thế Thông tư 27/2016/TT-NHNN ngày 28/9/2016 hướng dẫn trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Ngân hàng nhà nước Việt Nam</li> <li>- Thay thế Thông tư 07/2021/TT-NHNN ngày 30/6/2021 sửa đổi Thông tư 27/2016/TT-NHNN hướng dẫn trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Ngân hàng nhà nước Việt Nam</li> </ul>
<b>3. Thời điểm có hiệu lực</b>	15/11/2025
<b>4. Nội dung chính lưu ý</b>	<p>Quy định về chỉ đạo công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của NHNN Việt Nam</p> <p>Theo đó, việc lãnh đạo, chỉ đạo công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật được quy định như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thống đốc phụ trách chung, chỉ đạo việc xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật đảm bảo chất lượng và thời hạn theo quy định.</li> <li>- Phó Thống đốc trực tiếp chỉ đạo đơn vị được giao phụ trách trong việc xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo phân công của Thống đốc (sau đây gọi tắt là Phó Thống đốc phụ trách); chỉ đạo, đôn đốc đối với đơn vị chủ trì soạn thảo về tiến độ, nội dung, giải quyết các vấn đề phức tạp, các vấn đề còn ý kiến khác nhau đối với dự thảo văn bản quy phạm pháp luật và chịu trách nhiệm trước Thống đốc về việc đảm bảo tiến độ và chất lượng soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực được phân công phụ trách.</li> <li>- Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước có trách nhiệm chỉ đạo các công chức trong đơn vị thực hiện nghiêm túc các quy định về công tác xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật.</li> <li>- Đơn vị chủ trì soạn thảo có trách nhiệm xin ý kiến Ban Thường vụ Đảng ủy Ngân hàng Nhà nước, Ban Lãnh đạo Ngân hàng Nhà nước trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật:             <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đối với Ban Thường vụ Đảng ủy Ngân hàng Nhà nước: xin ý kiến về chính sách, chủ trương lớn của văn bản quy phạm pháp luật;</li> <li>+ Đối với Ban Lãnh đạo Ngân hàng Nhà nước: xin ý kiến đối với các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 1</li> </ul> </li> </ul>

	<p>Thông tư 32/2025/TT-NHNN mà Ngân hàng Nhà nước được giao chủ trì soạn thảo; Các nội dung quan trọng hoặc toàn bộ nội dung của dự thảo Thông tư theo đề xuất của đơn vị chủ trì soạn thảo, Phó Thống đốc phụ trách và được Thống đốc đồng ý hoặc theo chỉ đạo của Thống đốc;</p> <p>+ Quy trình xin ý kiến Ban Thường vụ Đảng ủy Ngân hàng Nhà nước, Ban Lãnh đạo Ngân hàng Nhà nước được thực hiện theo quy chế làm việc của Ban chấp hành Đảng bộ Ngân hàng Nhà nước, quy chế làm việc của Ngân hàng Nhà nước.</p>
<p><b>VII. Thông tư 33/2025/TT-NHNN</b></p>	
<p><b>1. Tên văn bản</b></p>	<p>Thông tư 33/2025/TT-NHNN của Ngân hàng nhà nước Việt Nam ban hành ngày 30/9/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 17/2014/TT-NHNN quy định về phân loại, đóng gói, giao nhận kim khí quý, đá quý</p>
<p><b>2. Văn bản bị thay thế/Sửa đổi, bổ sung</b></p>	<p>Sửa đổi, bổ sung Thông tư 17/2014/TT-NHNN ngày 01/8/2014 về phân loại, đóng gói, giao nhận kim khí quý, đá quý</p>
<p><b>3. Thời điểm có hiệu lực</b></p>	<p>15/11/2025</p>
<p><b>4. Nội dung chính lưu ý</b></p>	<p>Thông tư 33/2025/TT-NHNN đã sửa đổi một số nội dung của Thông tư 17/2014/TT-NHNN như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 3 Thông tư 17/2014/TT-NHNN về định nghĩa bao bì trong phân loại, đóng gói, giao nhận kim khí quý đá quý như sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Bao bì là bao được sử dụng để ép mỗi sản phẩm vàng miếng; bao bì vàng miếng được chống giả theo quy chuẩn, tiêu chuẩn của ngân hàng thương mại, doanh nghiệp được Ngân hàng Nhà nước cho phép sản xuất vàng miếng hoặc của đơn vị gia công vàng miếng cho Ngân hàng Nhà nước (sau đây gọi tắt là đơn vị gia công)</li> </ul> </li> <li>- Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 5 Thông tư 17/2014/TT-NHNN về danh mục phân loại kim khí đá quý như sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 về phân loại vàng như sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>++ Vàng trang sức, mỹ nghệ là các sản phẩm vàng có hàm lượng từ 8 Kara (tương đương 33,33%) trở lên, đã qua gia công, chế tác để phục vụ nhu cầu trang sức, trang trí mỹ thuật.</li> </ul> </li> </ul> </li> </ul>

	<p>++ Vàng miếng là sản phẩm vàng được dập thành miếng, có đóng chữ, số chỉ khối lượng, chất lượng, có ký mã hiệu của doanh nghiệp và ngân hàng thương mại được Ngân hàng Nhà nước cho phép sản xuất; vàng miếng do Ngân hàng Nhà nước tổ chức sản xuất trong từng thời kỳ.</p> <p>++ Vàng nguyên liệu là vàng dưới dạng khối, thỏi, hạt, miếng và các loại vàng khác.</p> <p>+ Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 3 về Phân loại chất lượng đá quý như sau:</p> <p>++ Đá quý: Phân theo TCVN 5855:2017.</p> <p>- Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 6 Thông tư 17/2014/TT-NHNN về xác định số lượng, khối lượng, kích cỡ, chất lượng kim khí quý đá quý như sau:</p> <p>+ Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 6 Thông tư 17/2014/TT-NHNN về xác định khối lượng, kích cỡ của kim khí quý đá quý như sau:</p> <p>++ Các loại kim khí quý: Xác định khối lượng theo đơn vị đo pháp định là kilôgam (kg), gam (g), miligam (mg) hoặc lượng, đồng cân (chỉ), phân.</p> <p>1 phân = 1/10 chỉ = 1/100 lượng = 0,375 g</p> <p>+ Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 3 Điều 6 Thông tư 17/2014/TT-NHNN về xác định chất lượng của các loại đá quý như sau:</p> <p>++ Các loại đá quý: Xác định chất lượng căn cứ vào thành phần hóa học, giá trị sử dụng để phân loại theo TCVN 5855:2017, Đá quý - Thuật ngữ và phân loại.</p>
--	--

## LĨNH VỰC THƯƠNG MẠI

### I. Quyết định 36/2025/QĐ-TTg

<b>1. Tên văn bản</b>	Quyết định 36/2025/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành ngày 29/9/2025 về hệ thống ngành kinh tế Việt Nam
<b>2. Văn bản bị thay thế/Sửa đổi, bổ sung</b>	Thay thế Quyết định 27/2018/QĐ-TTg ngày 06/7/2018 về hệ thống ngành kinh tế Việt Nam
<b>3. Thời điểm có hiệu lực</b>	15/11/2025

<b>4. Nội dung chính lưu ý</b>	
<b>LĨNH VỰC KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN</b>	
<b>I. Thông tư 11/2025/TT-KTNN</b>	
<b>1. Tên văn bản</b>	Thông tư 11/2025/TT-NHNN của Kiểm toán nhà nước ban hành ngày 30/9/2025 về việc bãi bỏ toàn bộ Quyết định số 06/2008/QĐ-KTNN ngày 05/5/2008 của Tổng Kiểm toán nhà nước ban hành quy chế làm việc của hội đồng kiểm toán nhà nước
<b>2. Văn bản bị thay thế/Sửa đổi, bổ sung</b>	Thay thế Quyết định số 06/2008/QĐ-KTNN ngày 05/5/2008 của Tổng Kiểm toán nhà nước ban hành quy chế làm việc của hội đồng kiểm toán nhà nước
<b>3. Thời điểm có hiệu lực</b>	14/11/2025
<b>4. Nội dung chính lưu ý</b>	
<b>LĨNH VỰC GIAO THÔNG – VẬN TẢI</b>	
<b>I. Nghị định 246/2025/NĐ-CP</b>	
<b>1. Tên văn bản</b>	Nghị định 246/2025/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 15/9/2025 sửa đổi, bổ sung Nghị định số 68/2015/NĐ-CP ngày 18/8/2015 của Chính phủ quy định đăng ký quốc tịch và đăng ký các quyền đối với tàu bay đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 64/2022/NĐ-CP ngày 15/9/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng
<b>2. Văn bản bị thay thế/Sửa đổi, bổ sung</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sửa đổi, bổ sung Nghị định 64/2022/NĐ-CP ngày 15/9/2022 sửa đổi Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng;</li> <li>- Sửa đổi, bổ sung Nghị định 68/2015/NĐ-CP ngày 18/8/2015 quy định đăng ký quốc tịch và đăng ký các quyền đối với tàu bay</li> </ul>
<b>3. Thời điểm có hiệu lực</b>	01/11/2025
<b>4. Nội dung chính lưu ý</b>	hồ sơ đề nghị xóa đăng ký quốc tịch tàu bay và chứng nhận đủ điều kiện bay xuất khẩu theo đề nghị của người được chỉ định tại văn bản IDERA, bao gồm:

	<p>- Tờ khai theo Mẫu số 02a quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 246/2025;</p> <p>- Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao chụp từ bản chính hoặc bản sao xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính giấy tờ, tài liệu chứng minh tư cách pháp lý của người đề nghị xóa đăng ký trong trường hợp người đề nghị là tổ chức, cá nhân Việt Nam.</p> <p>Trường hợp giấy tờ, tài liệu chứng minh tư cách pháp lý của người đề nghị xóa đăng ký do cơ quan nước ngoài có thẩm quyền cấp thì các giấy tờ, tài liệu này phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp được miễn theo quy định của pháp luật Việt Nam;</p> <p>- Văn bản đồng ý xóa đăng ký và xuất khẩu tàu bay của những người có quyền lợi quốc tế đã được đăng ký có thứ tự ưu tiên cao hơn so với quyền lợi quốc tế của người đề nghị xóa đăng ký hoặc có tài liệu chứng minh các quyền lợi quốc tế được đăng ký có thứ tự ưu tiên cao hơn đã được thực hiện;</p> <p>- Trường hợp người được chỉ định tại văn bản IDERA là người nhận bảo đảm bằng tàu bay, hồ sơ phải bao gồm cả tài liệu chứng minh người đề nghị xóa đăng ký đã thông báo bằng văn bản đến những người có quyền lợi quốc tế đã được đăng ký, chủ sở hữu tàu bay, người đề nghị đăng ký quốc tịch tàu bay về việc đề nghị xóa đăng ký tàu bay ít nhất 10 ngày làm việc trước ngày nộp hồ sơ đề nghị.</p>
--	---

**II. Thông tư số 25/2025/TT-BXD**

<b>1. Tên văn bản</b>	Thông tư số 25/2025/TT-BXD của Bộ Xây dựng ban hành ngày 30/9/2025 quy định về huấn luyện, bồi dưỡng và sát hạch nghiệp vụ kiểm định kỹ thuật an toàn lao động thiết bị xếp dỡ, thiết bị áp lực trong lĩnh vực giao thông vận tải
<b>2. Văn bản bị thay thế/Sửa đổi, bổ sung</b>	Thay thế thông tư 36/2017/TT-BGTVT ngày 09/10/2017 quy định về huấn luyện, bồi dưỡng và sát hạch nghiệp vụ kiểm định thiết bị xếp dỡ, thiết bị áp lực trong lĩnh vực giao thông vận tải
<b>3. Thời điểm có hiệu lực</b>	15/11/2025
<b>4. Nội dung chính lưu ý</b>	đơn vị thực hiện huấn luyện, bồi dưỡng, hội đồng sát hạch nghiệp vụ kiểm định thiết bị lắp đặt, sử dụng trên bộ trong lĩnh vực giao thông vận

	<p>tải như sau:</p> <p>(1) Đơn vị thực hiện huấn luyện, bồi dưỡng, sát hạch nghiệp vụ kiểm định thiết bị phải xây dựng kế hoạch tổ chức khoá huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm định kỹ thuật an toàn lao động đáp ứng được yêu cầu tại khoản 2 Điều 7 Thông tư 25/2025/TT-BXD.</p> <p>(2) Kế hoạch tổ chức khoá huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm định thiết bị bao gồm các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Thời gian, địa điểm dự kiến tổ chức khóa huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm định;</li><li>- Số lượng học viên dự kiến tham gia;</li><li>- Chương trình, nội dung huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm định;</li><li>- Danh sách giảng viên tham gia huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm định (kèm lý lịch khoa học);</li><li>- Kế hoạch tổ chức sát hạch và đề xuất thành viên tham gia Hội đồng sát hạch nghiệp vụ kiểm định theo nội dung, chương trình huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm định quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 25/2025/TT-BXD.</li><li>- Tài liệu, giáo trình huấn luyện, bồi dưỡng và ngân hàng đề sát hạch phù hợp với nội dung, chương trình huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm định quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 25/2025/TT-BXD.</li></ul> <p>(3) Hội đồng sát hạch nghiệp vụ kiểm định</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Thủ trưởng đơn vị thực hiện huấn luyện, bồi dưỡng, sát hạch nghiệp vụ kiểm định quyết định thành lập Hội đồng sát hạch nghiệp vụ kiểm định;</li><li>- Hội đồng sát hạch nghiệp vụ kiểm định có trách nhiệm tổ chức thực hiện sát hạch khoá huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ và sát hạch thực hành kiểm định.</li><li>- Hội đồng sát hạch nghiệp vụ kiểm định có các nhiệm vụ sau: duyệt danh sách học viên đủ điều kiện sát hạch; chấm sát hạch; tổng hợp kết quả sát hạch; xử lý các vụ việc xảy ra trong quá trình sát hạch.</li></ul>
--	--

### III. Thông tư số 26/2025/TT-BXD

<b>1. Tên văn bản</b>	Thông tư số 26/2025/TT-BXD của Bộ Xây dựng ban hành ngày 30/9/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 37/2023/TT-BGTVT ngày 13/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về quản lý hoạt động vận tải đường bộ qua biên giới
<b>2. Văn bản bị thay thế/Sửa đổi, bổ sung</b>	Sửa đổi, bổ sung Thông tư 37/2023/TT-BGTVT ngày 13/12/2023 về quản lý hoạt động vận tải đường bộ qua biên giới
<b>3. Thời điểm có hiệu lực</b>	20/11/2025
<b>4. Nội dung chính lưu ý</b>	
<b>IV. Thông tư 91/2025/TT-BCA</b>	
<b>1. Tên văn bản</b>	Thông tư 91/2025/TT-BCA của Bộ Công an ban hành ngày 23/9/2025 quy định về thẩm định thiết kế, thi công đóng mới, hoán cải và đăng ký, đăng kiểm phương tiện thủy công an nhân dân
<b>2. Văn bản bị thay thế/Sửa đổi, bổ sung</b>	Không
<b>3. Thời điểm có hiệu lực</b>	07/11/2025
<b>4. Nội dung chính lưu ý</b>	<p>Hồ sơ đăng kiểm phương tiện thủy Công an nhân dân được quy định tại Điều 20 Thông tư 91/2025/TT-BCA, cụ thể như sau:</p> <p>(1) Hồ sơ đăng kiểm lần đầu gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Công văn đề nghị đăng kiểm của đơn vị thi công (đối với trường hợp phương tiện thủy đóng mới); công văn đề nghị đăng kiểm của đơn vị lập hồ sơ thiết kế (đối với trường hợp phương tiện thủy nhập khẩu); công văn đề nghị đăng kiểm của đơn vị quản lý, sử dụng hoặc kế hoạch đăng kiểm được cấp có thẩm quyền duyệt, ký;</li> <li>- Giấy đăng ký phương tiện thủy (nếu có);</li> <li>- Hồ sơ thiết kế được duyệt;</li> <li>- Các biên bản kiểm tra, nghiệm thu kỹ thuật xuất xưởng (đối với phương tiện thủy đóng mới, hoán cải);</li> <li>- Các tài liệu kỹ thuật của tổ chức nước ngoài cấp cho phương tiện thủy</li> </ul>



	<p>(nếu có).</p> <p>(2) Hồ sơ đăng kiểm duy trì cấp gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tài liệu quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 20 Thông tư 91/2025/TT-BCA;</li> <li>- Sổ kiểm tra kỹ thuật phương tiện thủy;</li> <li>- Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy;</li> <li>- Biên bản kiểm tra kỹ thuật phương tiện thủy lần gần nhất;</li> <li>- Biên bản kiểm tra, nghiệm thu kỹ thuật xuất xưởng (đối với phương tiện thủy đã sửa chữa, thay thế, hoán cải);</li> <li>- Hồ sơ thiết kế phương tiện thủy (khi cán bộ đăng kiểm yêu cầu);</li> <li>- Nhật ký hoạt động phương tiện thủy (khi cán bộ đăng kiểm yêu cầu);</li> <li>- Hồ sơ kiểm tra, bảo dưỡng, hiệu chỉnh trang thiết bị cứu sinh, cứu hỏa, thiết bị vô tuyến điện của đơn vị có chức năng cung cấp dịch vụ (đối với phương tiện thủy hoạt động trên biển);</li> <li>- Trường hợp hồ sơ kỹ thuật quy định tại các điểm đ, điểm e khoản 2 Điều 20 Thông tư 91/2025/TT-BCA bị thất lạc, mất thì đơn vị quản lý, sử dụng phương tiện thủy phải xuất trình biên bản về việc thất lạc, mất hồ sơ phương tiện thủy, ghi rõ lý do và tài liệu thất lạc, mất có xác nhận của thủ trưởng đơn vị quản lý, sử dụng.</li> </ul>
--	--

## LĨNH VỰC GIÁO DỤC

### I. Thông tư 20/2025/TT-BGDĐT

<b>1. Tên văn bản</b>	Thông tư 20/2025/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và đào tạo ban hành ngày 19/9/2025 ban hành chương trình các môn học bồi dưỡng dự bị đại học
<b>2. Văn bản bị thay thế/Sửa đổi, bổ sung</b>	Thay thế Thông tư 48/2012/TT-BGDĐT ngày 11/12/2012 về đề cương chi tiết 11 môn học dự bị đại học
<b>3. Thời điểm có hiệu lực</b>	04/11/2025
<b>4. Nội dung chính lưu ý</b>	Chương trình các môn học bồi dưỡng dự bị đại học được quy định như

sau:

[1] Nội dung bồi dưỡng

- Học sinh dự bị đại học được bồi dưỡng kiến thức văn hóa ba môn theo tổ hợp môn đã sử dụng để xét tuyển vào trường dự bị đại học (môn 1, môn 2, môn 3 trong số các môn Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh, Lịch sử, Địa lí, Vật lí, Hóa học, Sinh học, Giáo dục Kinh tế và Pháp luật, Tin học, Công nghệ);

- Học sinh dự bị đại học được rèn luyện sức khỏe và tham gia các hoạt động giáo dục. Căn cứ tình hình thực tế của nhà trường, nhu cầu học tập, sinh hoạt của học sinh, Hiệu trưởng trường dự bị đại học lựa chọn các nội dung rèn luyện sức khỏe và hoạt động giáo dục phù hợp;

- Trường dự bị đại học chủ động xây dựng kế hoạch dạy học theo Chương trình các môn học bồi dưỡng dự bị đại học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành phù hợp với Chương trình giáo dục phổ thông hiện hành.

[2] Khung thời gian

- Đối với các tổ hợp môn không có môn Tiếng Anh và môn Tin học: Tổng 30 tiết/tuần

+ Môn 1 (Toán hoặc Ngữ văn): 9 tiết/tuần

+ Môn 2: 6 tiết/tuần

+ Môn 3: 6 tiết/tuần

+ Tiếng Anh: 3 tiết/tuần

+ Tin học: 3 tiết/tuần

+ Rèn luyện sức khỏe và hoạt động giáo dục: 3 tiết/tuần

- Đối với các tổ hợp môn có môn Tiếng Anh hoặc môn Tin học: Tổng 30 tiết/tuần

+ Môn 1 (Toán hoặc Ngữ văn): 9 tiết/tuần

+ Môn 2: 6 tiết/tuần

+ Môn 3 (Tiếng Anh hoặc Tin học): 9 tiết/tuần

+ Tin học hoặc Tiếng Anh: 3 tiết/tuần

+ Rèn luyện sức khỏe và hoạt động giáo dục: 3 tiết/tuần

	<p>- Đối với các tổ hợp môn có đồng thời môn Tiếng Anh và môn Tin học: Tổng: 30 tiết/tuần</p> <p>+ Môn 1 (Toán hoặc Ngữ văn): 9 tiết/tuần</p> <p>+ Tiếng Anh: 9 tiết/tuần</p> <p>+ Tin học: 9 tiết/tuần</p> <p>+ Rèn luyện sức khỏe và hoạt động giáo dục: 3 tiết/tuần</p> <p>Đối với tổ hợp môn học có đồng thời môn Toán và môn Ngữ văn, thời gian học môn Toán là 8 tiết/tuần, thời gian học môn Ngữ văn là 7 tiết/tuần.</p> <p>- Thời gian bồi dưỡng dự bị đại học là một năm học. Hiệu trưởng trường dự bị đại học quyết định kế hoạch năm học bảo đảm đủ 28 tuần thực học, thời gian còn lại để tổ chức ôn tập, thi cuối khóa và tổ chức các hoạt động khác</p>
--	---

## LĨNH VỰC VĂN HÓA – XÃ HỘI

### I. Nghị định 255/2025/NĐ-CP

<b>1. Tên văn bản</b>	Nghị định 255/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 29/9/2025 xác định các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù giai đoạn 2026 – 2030
<b>2. Văn bản bị thay thế/Sửa đổi, bổ sung</b>	Không
<b>3. Thời điểm có hiệu lực</b>	15/11/2025
<b>4. Nội dung chính lưu ý</b>	<p><b>Quy trình xác định các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù giai đoạn 2026 – 2030 như sau:</b></p> <p>- Cấp xã: Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã) tổ chức rà soát thống kê số liệu về tổng dân số, tổng số hộ, số hộ nghèo, hộ cận nghèo của từng dân tộc tại địa bàn theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định 255/2025/NĐ-CP, gửi kết quả gồm 01 hồ sơ điện tử và 01 hồ sơ giấy về Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo triển</p>

	<p>khai, tổ chức thực hiện. Trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>+ Số liệu rà soát về dân số của từng dân tộc tại địa bàn được thống kê theo dữ liệu quản lý dân cư trong vòng 15 ngày kể từ ngày Nghị định 255/2025/NĐ-CP có hiệu lực thi hành;</li><li>+ Số liệu rà soát tổng số hộ, số hộ nghèo, hộ cận nghèo của từng dân tộc tại địa bàn được thống kê trên kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2024.</li></ul> <p>- Cấp tỉnh: Sau khi nhận được đủ báo cáo rà soát của Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo các cơ quan liên quan tổng hợp, rà soát, thẩm định và chịu trách nhiệm toàn diện về số liệu báo cáo theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định 255/2025/NĐ-CP, gửi kết quả gồm 01 hồ sơ điện tử và 01 hồ sơ giấy về Bộ Dân tộc và Tôn giáo trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.</p> <p>- Cấp trung ương (Bộ Dân tộc và Tôn giáo): Trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ báo cáo về số liệu tổng dân số, tổng số hộ, số hộ nghèo, hộ cận nghèo của từng dân tộc của các tỉnh, Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo căn cứ quy định tại Điều 4 Nghị định 255/2025/NĐ-CP chỉ đạo rà soát, tổng hợp và ban hành Quyết định phê duyệt danh sách các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù giai đoạn 2026 - 2030 trên phạm vi toàn quốc.</p> <p><b>Tiêu chí xác định các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù giai đoạn 2026 - 2030</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Dân tộc còn gặp nhiều khó khăn là dân tộc có tỷ lệ nghèo đa chiều lớn hơn tỷ lệ nghèo đa chiều dân tộc thiểu số chung cả nước.</li><li>- Dân tộc có khó khăn đặc thù là dân tộc có dân số trong phạm vi toàn quốc dưới 10.000 người theo dữ liệu quản lý dân cư và đáp ứng ít nhất 01 trong 02 tiêu chí sau:<ul style="list-style-type: none"><li>+ Có tỷ lệ nghèo đa chiều lớn hơn tỷ lệ nghèo đa chiều dân tộc thiểu số chung cả nước;</li><li>+ Có dân số trong phạm vi toàn quốc theo dữ liệu quản lý dân cư giảm so với dân số trong phạm vi toàn quốc theo kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019.</li></ul></li></ul>
--	--

## LĨNH VỰC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

### I. Quyết định 32/2025/QĐ-TTg

<b>1. Tên văn bản</b>	Quyết định 32/2025/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành ngày 08/9/2025 về mạng bưu chính phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước
<b>2. Văn bản bị thay thế/Sửa đổi, bổ sung</b>	Thay thế Quyết định 37/2021/QĐ-TTg ngày 18/12/2021 về mạng bưu chính phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước
<b>3. Thời điểm có hiệu lực</b>	01/11/2025
<b>4. Nội dung chính lưu ý</b>	<p>Bảo đảm an toàn, an ninh trong cung cấp dịch vụ bưu chính KT1 được quy định như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bưu gửi KT1 được đóng dấu KT1, gắn mã vạch, định vị và quản lý chặt chẽ trong quá trình cung cấp dịch vụ; được khai thác, vận chuyển và phát bằng trang thiết bị, phương tiện vận chuyển chuyên dùng. Trường hợp cần thiết phải sử dụng phương tiện vận chuyển khác thì đơn vị cung cấp dịch vụ phải bố trí nhân viên áp tải trong suốt quá trình vận chuyển.</li> <li>Khi có yêu cầu của Văn phòng Trung ương Đảng, Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ, việc khai thác, vận chuyển và phát bưu gửi KT1 được bố trí lực lượng bảo vệ để bảo đảm an toàn, an ninh, bảo mật trong cung cấp dịch vụ.</li> <li>- Đối với bưu gửi sử dụng dịch vụ bưu chính KT1 theo độ khẩn, độ mật, việc chấp nhận, vận chuyển và phát được ưu tiên trong trường hợp khẩn cấp.</li> <li>- Cơ sở khai thác dịch vụ bưu chính KT1 phải có nội quy, phương tiện kỹ thuật chuyên dùng và kiểm soát người ra vào chặt chẽ.</li> <li>- Người lao động tham gia trực tiếp vào quá trình cung cấp dịch vụ bưu chính KT1 phải có lý lịch rõ ràng; có phẩm chất đạo đức tốt; có tinh thần trách nhiệm, ý thức tổ chức kỷ luật, ý thức bảo vệ bí mật nhà nước; được đào tạo về nghiệp vụ bưu chính và công tác bảo đảm an toàn, an ninh trong cung cấp dịch vụ bưu chính KT1.</li> <li>- Người được giao chuyên trách vận chuyển và phát bưu gửi KT1 được trang bị và sử dụng công cụ hỗ trợ theo quy định của pháp luật.</li> </ul>

	<p>- Tổ chức liên quan đến hoạt động vận chuyển bưu gửi KT1 quy định tại khoản 3 Điều 2 Quyết định này phải ưu tiên giao nhận, bảo quản, khai thác bưu gửi KT1 bảo đảm an toàn, an ninh, nhanh chóng, chính xác, kịp thời trong mọi tình huống.</p>
<p><b>II. Quyết định 37/2025/QĐ-TTg</b></p>	
<p><b>1. Tên văn bản</b></p>	<p>Quyết định 37/2025/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành ngày 03/10/2025 ban hành quy hoạch phổ tần số vô tuyến điện quốc gia</p>
<p><b>2. Văn bản bị thay thế/Sửa đổi, bổ sung</b></p>	<p>Thay thế</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyết định số 71/2013/QĐ-TTg ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy hoạch phổ tần số vô tuyến điện quốc gia;</li> <li>- Quyết định số 38/2021/QĐ-TTg, ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 71/2013/QĐ-TTg ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy hoạch phổ tần số vô tuyến điện quốc gia được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Quyết định số 02/2017/QĐ-TTg ngày 17 tháng 01 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ;</li> <li>- Quyết định số 15/2024/QĐ-TTg ngày 04 tháng 10 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 71/2013/QĐ-TTg ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy hoạch phổ tần số vô tuyến điện quốc gia được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Quyết định số 38/2021/QĐ-TTg ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ.</li> </ul>
<p><b>3. Thời điểm có hiệu lực</b></p>	<p>20/11/2025</p>
<p><b>4. Nội dung chính lưu ý</b></p>	<p>Mục tiêu của quy hoạch phổ tần số vô tuyến điện được quy định như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quy hoạch phổ tần số vô tuyến điện quốc gia nhằm phát triển mạng thông tin vô tuyến điện theo hướng hiện đại, đồng bộ và ổn định lâu dài, phù hợp với xu hướng phát triển của quốc tế, đáp ứng các nhu cầu về thông tin phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng và an ninh, góp phần thực hiện sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập kinh tế quốc tế.</li> <li>- Quy hoạch phổ tần số vô tuyến điện quốc gia là cơ sở để các bộ, ngành, các tổ chức và cá nhân định hướng trong các hoạt động nghiên</li> </ul>

	<p>cứu và phát triển, sản xuất, nhập khẩu, lắp đặt và khai thác các thiết bị vô tuyến điện, thiết bị ứng dụng sóng vô tuyến điện trên lãnh thổ Việt Nam.</p> <p>Về trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được quy định như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bộ Khoa học và Công nghệ, căn cứ vào Quy hoạch phổ tần số vô tuyến điện quốc gia, có trách nhiệm: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Phê duyệt quy hoạch băng tần, quy hoạch phân kênh tần số, quy hoạch sử dụng kênh tần số, các quy định cụ thể về quản lý, khai thác và sử dụng tần số vô tuyến điện theo thẩm quyền;</li> <li>+ Chủ trì, phối hợp với Bộ Quốc phòng và Bộ Công an xây dựng phương án phân bổ băng tần phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh theo từng thời kỳ trình Thủ tướng Chính phủ quyết định;</li> <li>+ Tổ chức hướng dẫn việc thực hiện Quy hoạch phổ tần số vô tuyến điện quốc gia và các quy hoạch tần số vô tuyến điện, các quy định tại điểm a khoản này.</li> </ul> </li> <li>- Bộ Quốc phòng, Bộ Công an có trách nhiệm quy định việc quản lý, sử dụng tần số vô tuyến điện được phân bổ phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh, bảo đảm sử dụng hiệu quả, tiết kiệm, đúng mục đích tần số vô tuyến điện được phân bổ, phù hợp với Quy hoạch phổ tần số vô tuyến điện quốc gia.</li> <li>- Các bộ, cơ quan ngang bộ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ bảo đảm các quy định, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng có liên quan đến sử dụng tần số vô tuyến điện phù hợp với Quy hoạch phổ tần số vô tuyến điện quốc gia và các quy hoạch tần số vô tuyến điện quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.</li> <li>- Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quy hoạch phổ tần số vô tuyến điện quốc gia và các quy hoạch tần số vô tuyến điện quy định tại điểm a khoản 1 Điều này trong phạm vi địa phương theo phân cấp.</li> </ul>
--	--

**III. Thông tư 21/2025/TT-BKHCN**

<b>1. Tên văn bản</b>	Thông tư 21/2025/TT-BKHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành ngày 06/10/2025 quy định về nội dung, trình tự phê duyệt quy hoạch kho số viễn thông, quy hoạch tài nguyên internet và thực hiện phê duyệt quy hoạch
<b>2. Văn bản bị thay thế/Sửa đổi, bổ sung</b>	Không
<b>3. Thời điểm có hiệu lực</b>	20/11/2025
<b>4. Nội dung chính lưu ý</b>	<p>Nội dung quy hoạch kho số viễn thông, tài nguyên Internet bao gồm quy định về tên, cấu trúc, độ dài, tính năng kỹ thuật của mã, số viễn thông, tài nguyên Internet đảm bảo phù hợp với quy hoạch kho số viễn thông, tài nguyên Internet quốc tế và khả dụng trong mạng viễn thông, Internet.</p> <p>Trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Danh mục quy hoạch kho số viễn thông bao gồm:           <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Quy hoạch cấu trúc số quốc tế và số quốc gia;</li> <li>+ Quy hoạch số quốc gia;</li> <li>+ Quy hoạch mã, số dịch vụ;</li> <li>+ Quy hoạch mã, số định tuyến kỹ thuật;</li> <li>+ Quy hoạch số dịch vụ khẩn cấp, số dùng chung;</li> <li>+ Quy hoạch mã, số phục vụ lợi ích công cộng, quốc phòng, an ninh.</li> </ul> </li> <li>- Danh mục quy hoạch tài nguyên Internet bao gồm:           <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Quy hoạch tên miền quốc gia Việt Nam “.vn”;</li> <li>+ Quy hoạch địa chỉ Internet (địa chỉ IP);</li> <li>+ Quy hoạch số hiệu mạng.</li> </ul> </li> </ul> <p>Quy định về điều chỉnh quy hoạch kho số viễn thông và tài nguyên Internet</p> <p>Việc điều chỉnh quy hoạch được thực hiện khi có một trong các căn cứ sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có sự điều chỉnh, thay đổi quy hoạch kho số viễn thông, tài nguyên Internet của quốc tế làm thay đổi nội dung quy hoạch;</li> <li>- Do sự phát triển của khoa học, công nghệ làm thay đổi cơ bản việc thực hiện quy hoạch;</li> <li>- Do yêu cầu bảo đảm quốc phòng, an ninh;</li> <li>- Khi Quy hoạch có vướng mắc, bất cập trong triển khai thực tế;</li> <li>- Khi dung lượng kho số viễn thông, tài nguyên Internet theo quy hoạch</li> </ul>



	<p>được đưa vào sử dụng đạt trên 70%.</p> <p>Cơ quan lập quy hoạch chịu trách nhiệm tổ chức lập điều chỉnh quy hoạch trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt. Trình tự, thủ tục và thẩm quyền điều chỉnh quy hoạch được thực hiện như đối với việc lập, phê duyệt, công bố và thực hiện quy hoạch quy định tại Thông tư 21/2025/TT-BKHCHN.</p>
--	---

**LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN – MÔI TRƯỜNG**

**I. Thông tư 01/2025/TT-BNNMT**

<b>1. Tên văn bản</b>	Thông tư 01/2025/TT-BNNMT của Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành ngày 15/5/2025 ban hành 03 quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng môi trường xung quanh
<b>2. Văn bản bị thay thế/Sửa đổi, bổ sung</b>	Sửa đổi, bổ sung Thông tư 78/2017/TT-BTNMT ngày 29/12/2017 quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường do Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và môi trường ban hành
<b>3. Thời điểm có hiệu lực</b>	14/11/2025
<b>4. Nội dung chính lưu ý</b>	<p>ban hành kèm theo Thông tư 01/2025/TT-BNNMT là 03 quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng môi trường xung quanh, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;</li> <li>- QCVN 27:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung;</li> <li>- QCVN 43:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng trầm tích.</li> </ul> <p>Cơ sở đã đi vào vận hành, dự án đầu tư đã có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường hoặc đăng ký môi trường trước ngày Thông tư 01/2025/TT-BNNMT có hiệu lực thi hành (ngày 14/11/2025) được tiếp tục áp dụng QCVN 26:2010/BTNMT, QCVN 27:2010/BTNMT và quy định của chính quyền địa phương cho đến hết ngày 31/12/2026.</p> <p>Về lộ trình áp dụng 03 quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng môi trường xung quanh theo Thông tư 01/2025/TT-BNNMT như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kể từ ngày Thông tư 01/2025/TT-BNNMT có hiệu lực thi hành (ngày 14/11/2025), dự án đầu tư (bao gồm: dự án đầu tư mới, dự án đầu tư mở rộng quy mô, nâng cao công suất nộp hồ sơ đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường, đăng ký môi</li> </ul>

	<p>trường sau ngày Thông tư 01/2025/TT-BNNMT có hiệu lực thi hành) phải áp dụng quy định tại QCVN 26:2025/BNNMT và QCVN 27:2025/BNNMT.</p> <p>- Kể từ ngày 01/01/2027, các trường hợp quy định tại Điều 3 Thông tư 01/2025/TT-BNNMT phải đáp ứng yêu cầu quy định tại QCVN 26:2025/BNNMT và QCVN 27:2025/BNNMT.</p> <p>- Khuyến khích các trường hợp quy định tại Điều 3 Thông tư 01/2025/TT-BNNMT áp dụng các quy định tại QCVN 26:2025/BNNMT và QCVN 27:2025/BNNMT kể từ ngày Thông tư 01/2025/TT-BNNMT có hiệu lực thi hành.</p>
<b>II. Thông tư 58/2025/TT-BNNMT</b>	
<b>1. Tên văn bản</b>	Thông tư 58/2025/TT-BNNMT của Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành ngày 12/9/2025 quy định mức kinh tế - kỹ thuật giao rừng, cho thuê rừng
<b>2. Văn bản bị thay thế/Sửa đổi, bổ sung</b>	Thay thế Quyết định 112/2008/QĐ-BNN ngày 19/11/2008 về định mức kinh tế - kỹ thuật giao rừng, cho thuê rừng, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho mục đích lâm nghiệp gắn với việc lập hồ sơ quản lý rừng do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn ban hành
<b>3. Thời điểm có hiệu lực</b>	27/11/2025
<b>4. Nội dung chính lưu ý</b>	<p>theo Điều 4 Thông tư 58/2025 quy trình kỹ thuật giao rừng, cho thuê rừng như sau:</p> <p>[1] Xây dựng kế hoạch giao rừng, cho thuê rừng, gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thu thập thông tin, tư liệu liên quan;</li> <li>- Xác định ranh giới giao rừng, cho thuê rừng;</li> <li>- Số hóa và biên tập, in bản đồ;</li> <li>- Tổ chức họp cấp thôn;</li> <li>- Phân tích số liệu, viết báo cáo kế hoạch;</li> <li>- Tổ chức hội nghị, hoàn thiện báo cáo kế hoạch;</li> <li>- In ấn, giao nộp tài liệu hồ sơ trình kế hoạch.</li> </ul> <p>[2] Điều tra, đánh giá hiện trạng rừng và lập bản đồ hiện trạng rừng, gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Điều tra hiện trạng và xác định ranh giới rừng;</li> <li>- Chọn, lập và điều tra ô tiêu chuẩn (sau đây viết là ÔTC);</li> <li>- Nhập và tính toán xử lý số liệu các ÔTC;</li> <li>- Số hóa và biên tập, in bản đồ.</li> </ul> <p>[3] Kiểm tra nội dung giao rừng, cho thuê rừng: Làm việc thống nhất số</p>

	<p>liệu với xã; niêm yết công khai kết quả; cùng cơ quan chức năng kiểm tra hiện trạng rừng tại thực địa.</p> <p>[4] Hỗ trợ lập hồ sơ, chỉnh sửa, hoàn thiện hồ sơ trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định giao rừng, cho thuê rừng.</p> <p>[5] Bàn giao rừng tại thực địa: cùng với cơ quan chức năng và chủ rừng ra hiện trường chỉ rõ phạm vi, ranh giới rừng được giao, cho thuê; xác định mốc ranh giới rừng.</p> <p>[6] Lập số mục kê, tổng hợp hồ sơ quản lý rừng, số hóa và lưu hồ sơ, gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lập số mục kê, tổng hợp hồ sơ quản lý rừng, số hóa và lưu hồ sơ;</li> <li>- Phân tích số liệu; tổng hợp xây dựng báo cáo kết quả giao rừng, cho thuê rừng cấp xã;</li> <li>- Tổ chức hội nghị báo cáo kết quả giao rừng, cho thuê rừng; hoàn thiện báo cáo;</li> <li>- In và giao nộp sản phẩm.</li> </ul>
--	---

## LĨNH VỰC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH

### I. Thông tư 16/2025/TT-BTP

<b>1. Tên văn bản</b>	Thông tư 16/2025/TT-BTP của Bộ Tư pháp ban hành ngày 16/9/2025 quy định hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành tư pháp
<b>2. Văn bản bị thay thế/Sửa đổi, bổ sung</b>	Thay thế Thông tư 10/2017/TT-BTP ngày 26/12/2017 về quy định hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành tư pháp
<b>3. Thời điểm có hiệu lực</b>	01/08/2025
<b>4. Nội dung chính lưu ý</b>	

### II. Thông tư 16/2025/TT-BNV

<b>1. Tên văn bản</b>	Thông tư 16/2025/TT-BNV của Bộ Nội vụ ban hành ngày 02/10/2025 hướng dẫn mẫu hợp đồng thực hiện nhiệm vụ công chức
<b>2. Văn bản bị thay thế/Sửa đổi, bổ sung</b>	Không
<b>3. Thời điểm có hiệu lực</b>	16/11/2025
<b>4. Nội dung</b>	

<b>chính lưu ý</b>	
--------------------	--

**Lưu ý:** Bản tin này nhằm cung cấp các thông tin cập nhật về văn bản pháp luật mới được ban hành mà không nhằm mục đích cung cấp các tư vấn pháp lý. Nếu quý khách có nhu cầu tư vấn, hướng dẫn chi tiết về các quy định của những văn bản pháp luật nêu trên hoặc cung cấp văn bản miễn phí, xin vui lòng liên hệ Công ty Luật TNHH Trần Vũ qua số tổng đài tư vấn (84-24) 73 001 048 hoặc gửi email tư vấn đến [info@tranvulawfirm.vn](mailto:info@tranvulawfirm.vn).